MS. CHI ENGLISH

Name: _____ **Date:** …/…/20…

Class: L1 **Tel:** 038 255 2594

GLOBAL STAGE 1

Unit 6 – Look what can I do – Vocabulary 2 + Grammar 2

A. Vocabulary

			
read comic books	**play board games**	**play table tennis**	**make cookies**
đọc truyện tranh	chơi trò chơi trên bàn cờ	chơi bóng bàn	làm bánh quy

***Con học thuộc nghĩa của từ và chép mỗi từ 2 dòng vào vở ghi.**

B. Grammar: Simple Present with He, She, It *(Thì Hiện tại đơn với chủ ngữ He, She, It)*

What does + he / she / it + V-inf + …?

(+) He / She / It + V(s/es) + ...

(-) He / She / It + does not + V-inf + …

Note: **V-inf**: Động từ nguyên thể ; **V(s/es)**: Động từ nguyên thể thêm s/es ; **does not = doesn't**

VD: What does she do after breakfast? *(Cô ấy làm gì sau bữa sáng?)*

(+) She makes cookies. *(Cô ấy làm bánh quy.)*

(-) She doesn't read comic books. *(Cô ấy không đọc truyện tranh.)*

- Cách dùng: Sử dụng thì Hiện tại đơn khi:

+ Diễn tả một hành động, sự việc diễn ra thường xuyên, lặp đi lặp lại hay một thói quen.

+ Diễn tả một sự thật hiển nhiên, một chân lý.

+ Diễn tả suy nghĩ, cảm xúc, cảm giác hoặc khả năng của ai đó.

+ Diễn tả sự việc sẽ xảy xa theo lịch trình, thời gian biểu rõ ràng.

LIVEWORKSHEETS

- Cách thêm s/es vào động từ:

+ Động từ kết thúc bằng "o", "s", "x", "ss", "sh", "ch", "z", thêm đuôi "es". *(watch -> watches)*

+ Động từ kết thúc bằng "phụ âm + y", đổi "y" thành "i" và thêm đuôi "es". *(fly -> flies)*

+ Các động từ không thuộc nhóm trên, chỉ cần thêm "s".

***Lưu ý**: + **Nguyên âm: u, e, o, a, i**

+ Phụ âm: các chữ cái còn lại (ví dụ: b, c, m,…)

C. Homework

Exercise 1: Con hãy khoanh tròn đáp án đúng và tô từ đó

0.  A. do homework (B.) listen to music

1.  A. play board games B. watch TV

2.  A. make cookies B. do homework

3.  A. play outside B. read comic books

4.  A. play table tennis B. paint a picture

Exercise 2: Con hãy khoanh tròn đáp án đúng

0. She (**make** / (**makes**) / **making**) cookies for her family.

1. What (**do** / **does** / **doing**) your mother do after dinner?

2. We (**don't** / **doesn't** / **am not**) play board games.

3. He doesn't (**playing** / **plays** / **play**) table tennis.

4. What do they (**do** / **does** / **doing**) after lunch?

Ms Chi English

LIVEWORKSHEETS

5. Jennie (**watch / watches / watching**) TV after school.

Exercise 3: Con hãy điền dạng đúng của động từ trong ngoặc và nối câu với tranh tương ứng

0. Louis **plays** outside. (**play**)

1. Kim _____ a picture. (**paint**)

2. Anna _____ homework. (**do**)

3. Emily and Linda _____ cookies. (**make**)

4. Tom _____ TV. (**watch**)

5. Alex _____ comic books. (**read**)

A. 

B. 

C. 

D. 

E. 

F. 

Exercise 4: Con hãy khoanh tròn đáp án đúng

0. (A) I do homework after school.
   B. I does homework after school.
   C. I am do homework after school.

1. A. What does you do after breakfast?
   B. What do you does after breakfast?
   C. What do you do after breakfast?

2. A. She don't read comic books.
   B. She doesn't read comic books.
   C. She doesn't reads comic books.

3. A. He play board games.
   B. He plays board games.
   C. He don't play board games.

4. A. It does not run.
   B. It do not run.
   C. It not run.

5. A. What is it do?
   B. What do it do?
   C. What does it do?

LIVEWORKSHEETS

Reading & Writing

Reading & Writing

Part 2

- 5 questions -

Look and read. Write yes or no.



Examples

The woman is giving the children cake. ..... yes .....

The boys are playing tennis. ..... no .....

Questions

1 There are two boys in the room. .....

2 The boy with the black hair is taking a photo. .....

3 The man is playing with a dog. .....

4 There are three lamps in the room. .....

5 The girl in the pink dress is holding a mouse. .....

LIVEWORKSHEETS

Con làm bài nghe theo link sau (từ 0p40s đến 4p35s)

https://youtu.be/EisKAUe0P-U

Test 6

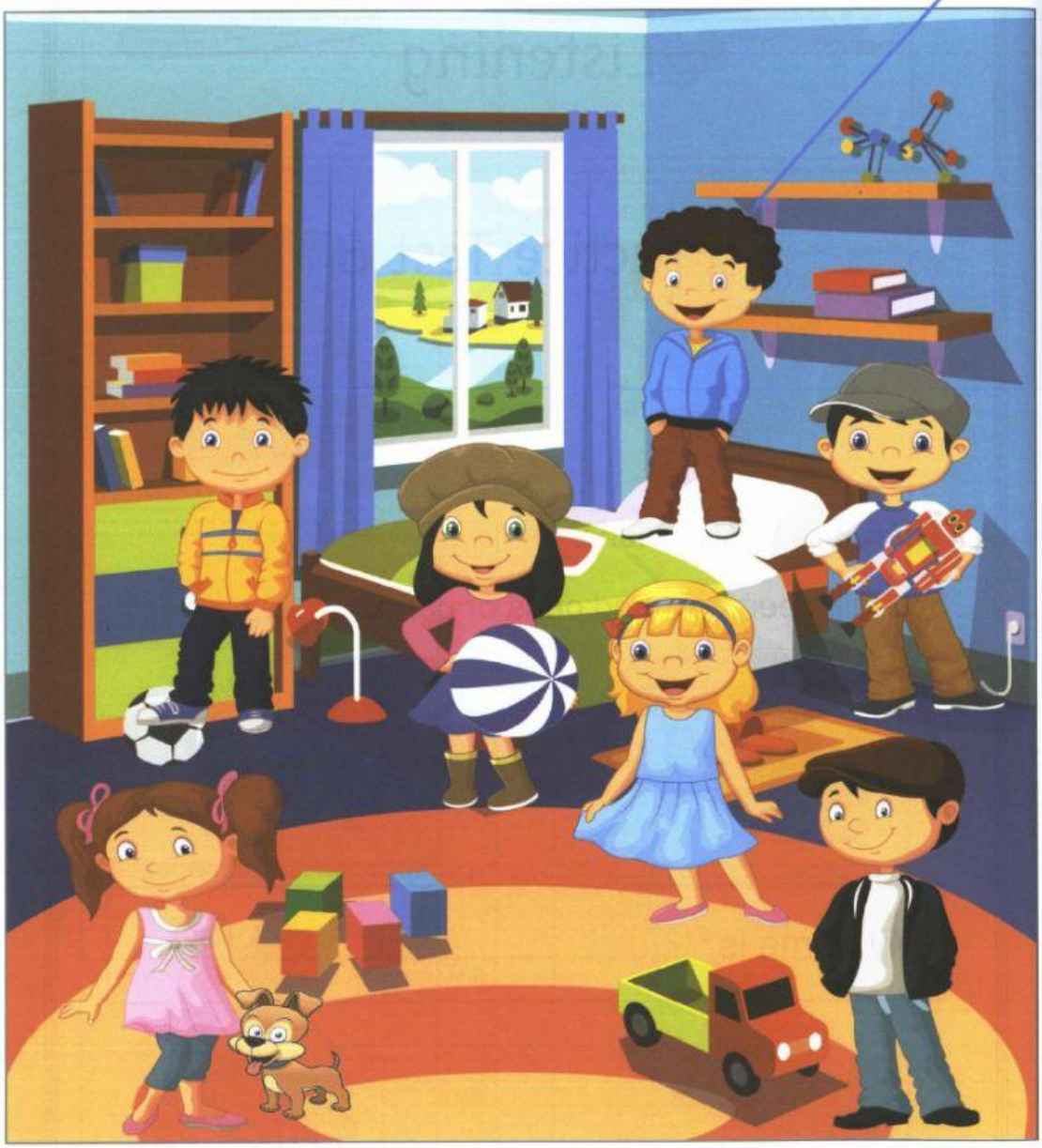
Listening

Part 1

- 5 questions -

Listen and draw lines. There is one example.

Hugo Sam Grace Dan



Eva Anna Ben

LIVEWORKSHEETS